

TỪ ĐỒNG NGHĨA TRONG KỸ NĂNG NÓI TIẾNG ANH: NHẬN THỨC VÀ THỰC TRẠNG SỬ DỤNG CỦA SINH VIÊN NĂM NHẤT CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH TẠI MỘT TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở HÀ NỘI

Đinh Thị Hương¹

Email: dthuong11@hou.edu.vn, ORCID: 0009-0002-1659-7043

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 15/03/2026. Ngày phản biện đánh giá: 15/05/2026.

Ngày bài báo được duyệt đăng: 01/06/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1276

Tóm tắt: Nghiên cứu này khảo sát nhận thức và thực trạng sử dụng từ đồng nghĩa trong kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên năm nhất chuyên ngành Tiếng Anh tại Trường Đại học Mở Hà Nội. Nghiên cứu sử dụng phương pháp kết hợp với dữ liệu thu thập từ bảng hỏi của 33 sinh viên và phỏng vấn bán cấu trúc với 10 sinh viên. Kết quả cho thấy sinh viên nhận thức tích cực về vai trò của từ đồng nghĩa trong việc tránh lặp từ và nâng cao chất lượng diễn đạt. Tuy nhiên, khả năng vận dụng trong giao tiếp thực tế còn hạn chế do khó khăn trong việc lựa chọn từ phù hợp ngữ cảnh, phân biệt sắc thái nghĩa, sử dụng từ kết hợp và xử lý áp lực thời gian khi nói. Nghiên cứu cũng chỉ ra khoảng cách giữa nhận thức và khả năng sử dụng thực tế của sinh viên trong giao tiếp nói tiếng Anh. Ngoài ra, sinh viên thể hiện nhu cầu cao đối với các hoạt động học tập mang tính thực hành và sự hỗ trợ từ giảng viên nhằm nâng cao khả năng sử dụng từ đồng nghĩa linh hoạt và phù hợp hơn trong kỹ năng nói tiếng Anh.

Từ khóa: từ đồng nghĩa, kỹ năng nói tiếng Anh, sử dụng từ vựng

I. Đặt vấn đề

Từ vựng là yếu tố cốt lõi của năng lực ngôn ngữ, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng diễn đạt, đặc biệt trong kỹ năng nói (Schmitt, 2000; Nation, 2001). Trong đó, việc sử dụng từ đồng nghĩa phù hợp với ngữ cảnh giúp tránh lặp từ, làm phong phú diễn đạt và tăng tính tự nhiên của lời nói. Tuy nhiên, người học thường gặp khó khăn do khác biệt về sắc thái nghĩa, mức độ trang trọng và yêu cầu ngữ cảnh,

nhất là trong giao tiếp thời gian thực (Akbar & Zahid, 2025).

Trong bối cảnh đại học, sinh viên năm nhất chuyên ngữ dù có nền tảng từ vựng vẫn hạn chế trong việc vận dụng từ đồng nghĩa linh hoạt, ảnh hưởng đến độ trôi chảy và sự tự tin. Vì vậy, nghiên cứu này nhằm tìm hiểu việc sử dụng từ đồng nghĩa trong kỹ năng nói từ góc nhìn của sinh viên năm thứ nhất tại Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Mở Hà Nội, tập trung

¹ Trường Đại Học Mở Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam

vào nhận thức, thực hành, khó khăn và nhu cầu hỗ trợ của sinh viên. Nghiên cứu kỳ vọng cung cấp cái nhìn thực tiễn và đề xuất một số kiến nghị sư phạm nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy kỹ năng nói trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam.

II. Cơ sở lý thuyết

Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống hoặc gần giống nhau nhưng khác nhau về sắc thái nghĩa, mức độ biểu cảm hoặc ngữ cảnh sử dụng (Cruse, 2004). Theo Lyons (1995), việc sử dụng từ đồng nghĩa trong giao tiếp không chỉ đòi hỏi người học hiểu nghĩa của từ mà còn phải lựa chọn từ phù hợp với ngữ cảnh vì mỗi từ thường có đặc điểm sử dụng riêng.

Trong ngôn ngữ học ứng dụng, vốn từ vựng là yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến kỹ năng nói, không chỉ về số lượng từ mà còn ở khả năng sử dụng linh hoạt, chính xác và phù hợp với ngữ cảnh. Đặc biệt, khả năng truy xuất từ vựng nhanh góp phần nâng cao độ trôi chảy và hiệu quả giao tiếp. Một thành phần quan trọng của năng lực này là từ đồng nghĩa (synonymy), giúp mở rộng vốn từ, tránh lặp từ và tăng tính tự nhiên trong diễn đạt. Tuy nhiên, người học L2 thường gặp khó khăn do khác biệt về sắc thái nghĩa, mức độ trang trọng và kết hợp từ.

Các nghiên cứu trước cho thấy mối liên hệ tích cực giữa vốn từ vựng và kỹ năng nói (Afna, 2018; Kazemi, 2018; Uchiyama & Clenton, 2020), đồng thời nhấn mạnh vai trò của từ đồng nghĩa trong việc phát triển khả năng sử dụng từ linh hoạt (Hauer & Kondrak, 2020; Turney, 2002). Tuy vậy, nhiều nghiên cứu cũng chỉ ra rằng người học thiếu tự tin và gặp khó khăn khi sử dụng từ đồng nghĩa (Nation, 2001; Schmitt, 2000; Akbar & Zahid,

2025; Tran & cộng sự, 2022). Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào vốn từ vựng nói chung hoặc kỹ năng nói tổng quát, trong khi việc sử dụng từ đồng nghĩa trong giao tiếp nói vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ, đặc biệt trong bối cảnh sinh viên chuyên ngữ tại Việt Nam. Ngoài ra, khoảng cách giữa nhận thức của sinh viên về vai trò của từ đồng nghĩa và khả năng sử dụng thực tế trong nói tiếng Anh vẫn chưa được làm rõ. Vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu nhận thức, thực trạng sử dụng và khó khăn của sinh viên trong việc sử dụng từ đồng nghĩa trong kỹ năng nói tiếng Anh.

III. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu được triển khai theo thiết kế kết hợp định lượng và định tính nhằm làm rõ việc sử dụng từ đồng nghĩa trong kỹ năng nói tiếng Anh từ góc nhìn của sinh viên. Cách tiếp cận này cho phép thu thập dữ liệu vừa mang tính khái quát thông qua phiếu hỏi, vừa mang tính chiều sâu thông qua phỏng vấn bán cấu trúc, từ đó giúp phản ánh toàn diện hơn trải nghiệm và quan điểm của người học trong bối cảnh học tập cụ thể.

3.2. Đối tượng tham gia và bối cảnh nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện với 33 sinh viên năm nhất chuyên ngành Tiếng Anh tại Trường Đại học Mở Hà Nội, được chọn theo phương pháp thuận tiện và tham gia tự nguyện. Sinh viên đang học kỹ năng nói với giáo trình *Life Vision B1 Intermediate* (Bowell & Kelly, 2021). Tuy nhiên, do quy mô mẫu còn hạn chế, kết quả nghiên cứu chưa thể khái quát cho toàn bộ người học EFL.

3.3. Công cụ thu thập dữ liệu

Dữ liệu định lượng được thu thập thông qua bảng hỏi Likert 5 mức độ, trong đó (1) Hoàn toàn không đồng ý (SD); (2) Không đồng ý (D); (3) Bình thường (U); (4) Đồng ý (A); (5) Hoàn toàn đồng ý (SA). Bảng hỏi gồm 17 mục, tập trung vào vai trò của từ đồng nghĩa, mức độ tự tin và thực hành sử dụng, khó khăn gặp phải, và nhu cầu hỗ trợ trong học tập. Bảng hỏi được thử nghiệm trước và đạt độ tin cậy chấp nhận được với hệ số Cronbach's Alpha = 0,73. Dữ liệu định tính được thu thập thông qua phỏng vấn bán cấu trúc với 10 sinh viên nhằm tìm hiểu trải nghiệm, khó khăn và nhu cầu hỗ trợ liên quan đến việc sử dụng từ đồng nghĩa trong kỹ năng nói tiếng Anh.

3.4. Phân tích dữ liệu

Dữ liệu định lượng được xử lý bằng thống kê mô tả nhằm xác định

xu hướng nhận thức và thực trạng sử dụng từ đồng nghĩa của sinh viên. Dữ liệu định tính từ phỏng vấn được phân tích theo phương pháp phân tích chủ đề (thematic analysis) của Braun và Clarke (2006). Sau khi mã hóa dữ liệu, các chủ đề chính liên quan đến nhận thức, khó khăn và nhu cầu hỗ trợ của sinh viên được xác định. Các tỷ lệ phần trăm trong phần kết quả phản ánh số lượng sinh viên đề cập đến cùng một chủ đề trong phỏng vấn.

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Vai trò của từ đồng nghĩa trong kỹ năng nói tiếng Anh

Bảng 1 trình bày kết quả thống kê mô tả về cách sinh viên nhìn nhận vai trò của từ đồng nghĩa trong kỹ năng nói tiếng Anh.

Bảng 1. Thống kê mô tả về vai trò của từ đồng nghĩa trong kỹ năng nói tiếng Anh (N = 33)

Mã	Mục khảo sát	Thang đo Likert	Tần số	%	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
A1	Việc sử dụng từ đồng nghĩa khi nói tiếng Anh giúp tôi tránh lặp lại cùng một từ nhiều lần trong bài nói.	SD	1	3,0	4,21	0,67
		D	2	6,1		
		U	4	12,1		
		A	16	48,5		
		SA	10	30,3		
A2	Việc sử dụng từ đồng nghĩa giúp tôi diễn đạt ý tưởng của mình rõ ràng và chính xác hơn khi nói tiếng Anh.	SD	1	3,0	4,09	0,72
		D	3	9,1		
		U	5	15,2		
		A	15	45,5		
		SA	9	27,3		
A3	Việc sử dụng từ đồng nghĩa làm cho bài nói tiếng Anh của tôi trở nên tự nhiên và linh hoạt hơn.	SD	2	6,1	3,97	0,75
		D	4	12,1		
		U	6	18,2		
		A	14	42,4		
		SA	7	21,2		
A4	Khả năng sử dụng từ đồng nghĩa trong nói tiếng Anh phản ánh mức độ phong phú của vốn từ vựng.	SD	1	3,0	4,15	0,69
		D	2	6,1		
		U	5	15,2		
		A	15	45,5		
		SA	10	30,3		
	Trung bình				4,11	0,71

Kết quả cho thấy sinh viên nhìn chung đánh giá cao vai trò của từ đồng nghĩa trong kỹ năng nói tiếng Anh với giá trị trung bình (M) là 4,11. Hai nội dung nhận được mức độ đồng thuận cao nhất là khả năng tránh lặp từ (M = 4,21) và thể hiện vốn từ của người nói (M = 4,15). Điều này cho thấy sinh viên nhận thức rõ vai trò của sự đa dạng từ vựng trong việc nâng cao chất lượng diễn đạt và tính tự nhiên của lời nói, phù hợp với quan điểm

của Nation (2001) và Schmitt (2000). Tuy nhiên, kết quả cũng cho thấy nhận thức tích cực chưa đảm bảo khả năng vận dụng hiệu quả trong giao tiếp thực tế.

4.2. Mức độ tự tin và thực hành sử dụng từ đồng nghĩa

Bảng 2 trình bày kết quả liên quan đến mức độ tự tin và mức độ thực hành sử dụng từ đồng nghĩa của sinh viên trong kỹ năng nói.

Bảng 2. Thống kê mô tả về mức độ tự tin và thực hành sử dụng từ đồng nghĩa (N = 33)

Mã	Mục khảo sát	Thang đo Likert	Tần số	%	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
B1	Tôi cảm thấy tự tin khi sử dụng các từ đồng nghĩa trong quá trình nói tiếng Anh.	SD	2	6,1	3,48	0,83
		D	6	18,2		
		U	8	24,2		
		A	12	36,4		
		SA	5	15,2		
B2	Khi nói tiếng Anh, tôi chủ động sử dụng từ đồng nghĩa để diễn đạt ý tưởng.	SD	3	9,1	3,36	0,88
		D	6	18,2		
		U	9	27,3		
		A	11	33,3		
		SA	4	12,1		
B3	Khi không nhớ chính xác một từ tiếng Anh, tôi cố gắng diễn đạt lại bằng những từ có nghĩa tương tự.	SD	1	3,0	3,91	0,74
		D	3	9,1		
		U	6	18,2		
		A	15	45,5		
		SA	8	24,2		
B4	Tôi thường ngại sử dụng từ đồng nghĩa khi nói tiếng Anh vì sợ dùng sai nghĩa hoặc không đúng ngữ cảnh.	SD	2	6,1	3,67	0,81
		D	4	12,1		
		U	7	21,2		
		A	13	39,4		
		SA	7	21,2		
Trung bình chung					3,61	0,82

So với nhận thức tích cực về vai trò của từ đồng nghĩa, mức độ tự tin và thực hành sử dụng của sinh viên chỉ ở mức trung bình (M = 3,61). Mặc dù nhiều sinh viên cho biết họ cố gắng diễn đạt lại khi không nhớ từ phù hợp (M = 3,91), mức độ chủ động sử dụng từ đồng nghĩa (M = 3,36) và sự tự tin khi sử dụng (M = 3,48) vẫn còn hạn chế.

Điều này cho thấy tồn tại khoảng cách giữa nhận thức và khả năng vận dụng thực tế của sinh viên trong giao tiếp nói. Kết quả này phù hợp với Nation (2001) và Schmitt (2000), khi cho rằng việc sở hữu vốn từ không đồng nghĩa với khả năng sử dụng từ hiệu quả trong giao tiếp.

4.3. Khó khăn trong việc sử dụng từ đồng nghĩa

Bảng 3 trình bày các khó khăn mà sinh viên gặp phải khi sử dụng từ đồng nghĩa trong nói tiếng Anh.

Bảng 3. Thống kê mô tả về khó khăn trong việc sử dụng từ đồng nghĩa (N = 33)

Mã	Mục khảo sát	Thang đo Likert	Tần số	%	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
C1	Tôi gặp khó khăn khi lựa chọn từ đồng nghĩa phù hợp với ngữ cảnh khi nói tiếng Anh.	SD	1	3,0	4,06	0,71
		D	3	9,1		
		U	6	18,2		
		A	14	42,4		
		SA	9	27,3		
C2	Tôi gặp khó khăn trong việc phân biệt sự khác nhau về sắc thái nghĩa giữa các từ đồng nghĩa.	SD	1	3,0	4,12	0,69
		D	2	6,1		
		U	5	15,2		
		A	15	45,5		
		SA	10	30,3		
C3	Tôi không chắc chắn về mức độ trang trọng (formal/informal) của các từ đồng nghĩa khi sử dụng trong bài nói.	SD	2	6,1	3,88	0,77
		D	4	12,1		
		U	7	21,2		
		A	13	39,4		
		SA	7	21,2		
C4	Tôi gặp khó khăn khi sử dụng đúng các kết hợp từ (collocations) liên quan đến từ đồng nghĩa.	SD	1	3,0	4,18	0,65
		D	2	6,1		
		U	4	12,1		
		A	16	48,5		
		SA	10	30,3		
C5	Khi nói tiếng Anh, tôi không có đủ thời gian để suy nghĩ và lựa chọn từ đồng nghĩa phù hợp.	SD	2	6,1	3,94	0,73
		D	3	9,1		
		U	6	18,2		
		A	14	42,4		
		SA	8	24,2		
Trung bình chung					4,04	0,71

Kết quả cho thấy sinh viên gặp nhiều khó khăn trong việc sử dụng từ đồng nghĩa khi nói tiếng Anh ($M = 4,04$), đặc biệt ở việc sử dụng đúng từ kết hợp ($M = 4,18$) và phân biệt sắc thái nghĩa giữa các từ đồng nghĩa ($M = 4,12$). Điều này cho thấy khó khăn của người học không chỉ liên quan đến số lượng vốn từ mà còn đến khả năng lựa chọn và sử dụng từ phù hợp trong ngữ cảnh giao tiếp. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Tran và cộng sự (2022), khi cho rằng sinh viên EFL Việt Nam gặp nhiều trở ngại trong

việc sử dụng từ đồng nghĩa trong nói và viết tiếng Anh. Đồng thời, kết quả cũng phù hợp với Akbar và Zahid (2025), cho thấy người học thường thiếu tự tin khi sử dụng từ đồng nghĩa trong giao tiếp. Ngoài ra, áp lực thời gian khi nói có thể làm hạn chế khả năng vận dụng vốn từ linh hoạt của sinh viên, trong khi các nghiên cứu của Afna (2018), Kazemi (2018) và Uchihara và Clenton (2020) đều nhấn mạnh mối liên hệ tích cực giữa năng lực từ vựng và kỹ năng nói tiếng Anh.

4.4. Nhu cầu hỗ trợ trong học tập

Bảng 4 trình bày mức độ nhu cầu hỗ trợ của sinh viên nhằm nâng cao khả năng sử dụng từ đồng nghĩa trong kỹ năng nói.

Bảng 4. Thống kê mô tả về nhu cầu hỗ trợ trong học tập (N = 33)

Mã	Mục khảo sát	Thang đo Likert	Tần số	%	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
D1	Tôi cần được dạy các từ đồng nghĩa kèm theo ví dụ cụ thể về ngữ cảnh sử dụng trong nói tiếng Anh.	SD	0	0,0	4,33	0,59
		D	1	3,0		
		U	3	9,1		
		A	15	45,5		
		SA	14	42,4		
D2	Tôi cần các hoạt động luyện nói giúp tôi thực hành lựa chọn từ đồng nghĩa phù hợp với ngữ cảnh.	SD	1	3,0	4,21	0,63
		D	1	3,0		
		U	4	12,1		
		A	15	45,5		
		SA	12	36,4		
D3	Tôi muốn nhận được nhận xét cụ thể từ giáo viên về việc lựa chọn và sử dụng từ khi nói tiếng Anh.	SD	1	3,0	4,15	0,66
		D	2	6,1		
		U	4	12,1		
		A	15	45,5		
		SA	11	33,3		
D4	Tôi cần thêm các hoạt động luyện nói nhằm mở rộng và vận dụng vốn từ vựng, như paraphrasing, role-play và thay thế từ bằng từ đồng nghĩa trong quá trình nói.	SD	1	3,0	4,27	0,61
		D	1	3,0		
		U	3	9,1		
		A	16	48,5		
		SA	12	36,4		

Kết quả cho thấy sinh viên có nhu cầu cao đối với các hình thức hỗ trợ học tập liên quan đến việc sử dụng từ đồng nghĩa trong kỹ năng nói ($M = 4,24$). Đặc biệt, sinh viên mong muốn được học từ đồng nghĩa kèm theo ví dụ ngữ cảnh cụ thể ($M = 4,33$) và có thêm hoạt động luyện nói tập trung vào vốn từ ($M = 4,27$). Điều này cho thấy sinh viên có xu hướng ưu tiên các hình thức học tập mang tính thực hành và gắn với ngữ cảnh giao tiếp thực tế hơn là học từ vựng theo danh sách rời rạc. Kết quả này phù hợp với quan điểm của Nation (2022) cho rằng từ vựng được học hiệu quả hơn khi được đặt trong ngữ cảnh sử dụng và gắn với hoạt động giao tiếp thực tế. Kết quả này cũng cho thấy người học nhận thức được vai trò của phản hồi từ

giảng viên trong việc nâng cao khả năng lựa chọn và sử dụng từ phù hợp với ngữ cảnh nói tiếng Anh.

4.5. Kết quả phân tích dữ liệu phỏng vấn

Nhận thức về vai trò của từ đồng nghĩa trong kỹ năng nói: Kết quả cho thấy 70% sinh viên cho rằng việc sử dụng từ đồng nghĩa giúp tránh lặp từ, tăng tính tự nhiên và thể hiện vốn từ phong phú hơn trong bài nói. Tuy nhiên, 3/10 sinh viên cho rằng đối với người học năm nhất, việc sử dụng từ chính xác vẫn quan trọng hơn do còn hạn chế trong việc hiểu sắc thái nghĩa và cách dùng của từ đồng nghĩa.

Khoảng cách giữa nhận thức và vận dụng thực tế: Mặc dù đánh giá cao vai trò

của từ đồng nghĩa, 60% sinh viên cho biết họ ít sử dụng trong các tình huống nói tự phát và thường ưu tiên các từ quen thuộc để tránh sai. Một số sinh viên chỉ có thể sử dụng từ đồng nghĩa khi có thời gian chuẩn bị trước.

Khó khăn trong việc lựa chọn từ phù hợp ngữ cảnh: Sinh viên gặp khó khăn trong việc lựa chọn từ đồng nghĩa phù hợp với ngữ cảnh, đặc biệt với các từ có nghĩa gần nhau hoặc khác biệt về sắc thái nghĩa. Ngoài ra, khó khăn trong việc sử dụng từ kết hợp phù hợp cũng hạn chế khả năng vận dụng từ đồng nghĩa trong nói tiếng Anh.

Áp lực thời gian và tâm lý sợ sai: Khoảng 60% sinh viên cho rằng áp lực thời gian khiến họ ưu tiên duy trì mạch nói hơn là tìm từ thay thế phù hợp. Bên cạnh đó, tâm lý sợ sai cũng khiến sinh viên có xu hướng sử dụng các từ quen thuộc thay vì thử dùng từ đồng nghĩa.

Nhu cầu hỗ trợ trong học tập: Khoảng 80% sinh viên mong muốn được học từ đồng nghĩa thông qua các ngữ cảnh giao tiếp cụ thể thay vì học theo danh sách rời rạc. Sinh viên cũng nhấn mạnh vai trò của phản hồi từ giảng viên trong việc giúp họ lựa chọn và sử dụng từ phù hợp hơn khi nói tiếng Anh.

Kết quả phỏng vấn cho thấy sinh viên nhận thức rõ vai trò của từ đồng nghĩa trong kỹ năng nói, nhưng khả năng vận dụng trong các tình huống nói tự phát vẫn còn hạn chế. Những khó khăn chính liên quan đến lựa chọn từ phù hợp, phân biệt sắc thái nghĩa, sử dụng từ kết hợp và áp lực thời gian khi nói. Sinh viên cũng thể hiện nhu cầu cao đối với các hình thức hỗ trợ mang tính thực hành.

V. Kết luận và kiến nghị

Nghiên cứu này tìm hiểu nhận thức, thực trạng sử dụng và khó khăn của sinh viên năm nhất chuyên ngành Tiếng Anh trong việc sử dụng từ đồng nghĩa ở kỹ năng nói tiếng Anh tại Trường Đại học Mở Hà Nội. Kết quả cho thấy sinh viên nhận thức được vai trò tích cực của từ đồng nghĩa trong việc tăng tính tự nhiên và hạn chế lặp từ trong giao tiếp. Tuy nhiên, khả năng vận dụng thực tế còn hạn chế do khó khăn về lựa chọn từ phù hợp ngữ cảnh, kết hợp từ, áp lực thời gian và tâm lý sợ sai khi nói. Nghiên cứu góp phần làm rõ khoảng cách giữa nhận thức và khả năng sử dụng từ đồng nghĩa trong giao tiếp thực tế, đồng thời cho thấy việc sử dụng từ vựng linh hoạt không chỉ phụ thuộc vào vốn từ mà còn liên quan đến khả năng sử dụng từ theo ngữ cảnh và truy xuất từ vựng khi giao tiếp.

Từ kết quả này, nghiên cứu đề xuất một số kiến nghị sư phạm. Thứ nhất, từ đồng nghĩa nên được giảng dạy trong các ngữ cảnh giao tiếp cụ thể thay vì theo danh sách rời rạc. Thứ hai, hoạt động luyện nói cần khuyến khích sinh viên diễn đạt cùng một ý tưởng theo nhiều cách để tăng tính linh hoạt. Thứ ba, giảng viên nên cung cấp phản hồi cụ thể về mức độ phù hợp của từ trong ngữ cảnh, đồng thời làm rõ sự khác biệt về sắc thái nghĩa và mức độ trang trọng giữa các từ đồng nghĩa.

Nhìn chung, việc phát triển khả năng sử dụng từ đồng nghĩa cần được chú trọng như một phần quan trọng trong giảng dạy kỹ năng nói ở bậc đại học. Tuy nhiên, nghiên cứu vẫn còn hạn chế về quy mô mẫu và phạm vi khảo sát. Các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng đối tượng nghiên cứu và kết hợp thêm đánh giá

trực tiếp kỹ năng nói để tăng tính khách quan và khả năng khái quát hóa của kết quả nghiên cứu.

Tài liệu tham khảo

- Afna, M. (2018). The correlation between vocabulary and speaking skill. *Journal of Linguistics, Literature & Language Teaching (JL3T)*, 4(1), 43-71. <https://doi.org/10.32505/jl3t.v4i1.750>
- Akbar, S., & Zahid, Z. (2025). Assessing English Learners' Attitude towards the use of Synonyms in Communication: A Study Conducted at BS Level. *Pakistan Social Sciences Review*, 9(2), 293-305. [https://doi.org/10.35484/pssr.2025\(9-II\)22](https://doi.org/10.35484/pssr.2025(9-II)22).
- Bowell, J., & Kelly, P. (2021). *Life Vision B1 Intermediate Student Book*. Oxford University Press.
- Braun, V., & Clarke, V. (2006). Using thematic analysis in psychology. *Qualitative Research in Psychology*, 3(2), 77-101. <https://doi.org/10.1191/1478088706qp063oa>.
- Cruse, D. A. (2004). *Meaning in language: an introduction to semantics and pragmatics*. New York: Oxford University Press.
- Hauer, B., & Kondrak, G. (2020). *Synonymy = translational equivalence*. <https://arxiv.org/pdf/2004.13886.pdf>.
- Kazemi, E. (2018). The effect of vocabulary size in oral productions on the speaking proficiency of EFL learners. *Global Journal of Foreign Language Teaching*, 7(4), 150-154. <https://doi.org/10.18844/gjflt.v7i4.3003>.
- Lyons, J. (1995). *Linguistic Semantics: An Introduction*. Cambridge University Press.
- Nation, I. S. P. (2001). *Learning vocabulary in another language*. Cambridge University Press.
- Nation, I. S. P. (2022). *Learning vocabulary in another language* (3rd ed.). Cambridge University Press.
- Schmitt, N. (2000). *Vocabulary in language teaching*. Cambridge University Press.
- Tran, T. D., Vo, L. V., Bui, N. N., Tran, Q. C., & Tran, N. T. (2022). Challenges and solutions in using synonyms in spoken and written English of Vietnamese EFL students. *European Journal of Applied Linguistics Studies*, 5(2), 141-157. <http://dx.doi.org/10.46827/ejals.v5i2.381>.
- Turney, P. D. (2002). *Mining the web for synonyms: PMI-IR versus LSA on TOEFL*. <https://arxiv.org/pdf/cs/0212033.pdf>.
- Uchihara, T., & Clenton, J. (2020). Investigating the role of vocabulary size in second language speaking ability. *Language Teaching Research*, 24(4), 540-556.

USING SYNONYMS IN ENGLISH SPEAKING: PERCEPTIONS AND PRACTICES AMONG FIRST-YEAR ENGLISH MAJORS AT A UNIVERSITY IN HANOI

Dinh Thi Huong¹

Abstract: *The article investigates first-year English majors' perceptions and use of synonyms in English speaking at Hanoi Open University. A mixed-methods approach was employed, with data collected from questionnaires completed by 33 students and semi-structured interviews with 10 students. The findings show that students generally recognized the role of synonyms in avoiding repetition and improving spoken expression. However, their actual use of synonyms in real-time communication remained limited due to difficulties with contextual word choice, meaning differences, collocational use, and time pressure during speaking. The study also reveals a gap between students' awareness of the importance of synonyms and their practical ability to use them effectively in spoken English. In addition, students expressed a strong need for practical learning activities and teacher support to improve their flexible and context-appropriate use of synonyms in English speaking.*

Keywords: *synonyms, English speaking skills, vocabulary use*

¹ Hanoi Open University, Hanoi, Vietnam